THI ONLINE: CHỮA BT SHOULD/OUGHT TO/HAD BETTER
CHUYÊN ĐỀ: KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ MODALS
MÔN TIẾNG ANH - LỚP 12
BIÊN SOẠN: CÔ GIÁO: HOÀNG XUÂN

MỤC TIÊU

- ✓ *Ghi nhớ kiến thức cơ bản về should/ought to/had better*
- ✓ *Luyện tập kỹ năng làm bài thi*

e18394 Choose the correct answer.

Question 1. You_____wear shorts to school. Please put your school uniform on.

A. must **B.** mustn't **C.** have to **D.** don't have to

Question 2. My parents are always open to different views. I _____ agree with their opinions.

A. have to **B.** must **C.** don't have to **D.** mustn't

Question 3. My mother wanted to become a dancer, but she _____ follow in her parents' footsteps and became a medical doctor.

A. had to **B.** must **C.** shouldn't **D.** has to

Question 4. Parents_____expect their children to take care of them when they get old. Their adult children will have their own life and many other duties.

A. shouldn't **B.** don't have to **C.** must **D.** should

Question 5. I think parents_____limit their children's screen time to protect their eyesight.

A. mustn't **B.** don't have to **C.** shouldn't **D.** should

Question 6. There are agreed rules in each family that its members_____follow.

A. don't have to **B.** must **C.** mustn't **D.** had to

Question 7. You should be yourself. You_____worry too much about what other people think.

A. should **B.** have to **C.** don't have to **D.** didn't have to

Question 8. In some cultures, women don't get an education. They_____ stay at home and do all the household chores.

A. should **B.** don't have to **C.** shouldn't **D.** have to

Question 9. In the past, young adults_____follow social norms and expectations regarding relationships and marriage, but now they have more freedom.

A. didn't have to **B.** had to **C.** must **D.** mustn't

Question 10. Teenagers_____communicate openly with their parents about their problems.

A. shouldn't **B.** don't have to **C.** mustn't **D.** should

Question 11. In the near future, parents_____accept that technology will play a vital role in their children's lives, even if they may not fully comprehend it themselves.

A. must **B.** will have to **C.** mustn't **D.** won't have to

Question 12. Students_____ wear crop tops to school.

A. don't have to **B.** have to **C.** mustn't **D.** must

Question 13. I don't think children_____ quarrel with their parents.

A. don't have to **B.** have to **C.** should **D.** shouldn't

Question 14. Different generations _____ agree on everything, but it is important to engage in open-minded discussions.

A. don't have to **B.** have to **C.** should **D.** shouldn't

Question 15. The movie is very educational, you_____watch it.

A. mustn't **B.** doesn't have to **C.** must **D.** should

Question 16. There isn't any food. I _____ go to the supermarket to buy some.

A. must **B.** have to **C.** don't have to **D.** mustn't

Question 17. We_____study Russian because it isn't a compulsory subject.

A. shouldn't **B.** have to **C.** don't have to **D.** must

Question 18. Mai_____go to the office today. She has an appointment with her boss.

A. shouldn't **B.** should **C.** doesn't have to **D.** has to

Question 19. According to the regulations, you_____be at the company before 8 o'clock.

A. must **B.** has to **C.** should **D.** have to

Question 20. She_____ask too many questions about where her husband goes and what he does.

A. should **B.** must **C.** shouldn't **D.** mustn't

Question 21. My grandparents live in the suburb. Therefore, whenever we visit them, we_____take a bus.

A. should **B.** must **C.** have to **D.** mustn't

Question 22. You_____eat plenty of fruit and vegetables every day because they are good for your health.

A. should **B.** oughtn't to **C.** don't have to **D.** mustn't

Question 23. Vietnamese school students nowadays_____wear uniform.

A. have to **B.** must **C.** shouldn't **D.** ought to

Question 24. I have a terrible headache, so I_____leave early.

A. have to **B.** must **C.** should **D.** ought to

Question 25. Our family is going to travel abroad this summer, so we_____ get our passport soon.

A. have to **B.** must **C.** should **D.** ought to

Question 26. My back has been hurting for weeks. I_____go to the doctor's.

A. don't have to **B.** have to **C.** must **D.** mustn't

Question 27. Sometimes parents_____be tolerant of their children's childlike behaviors.

A. have to **B.** mustn't **C.** must **D.** should

Question 28. The buffet restaurant is free for kids under 5 years old, so you_____pay for your son.

A. shouldn't **B.** mustn't **C.** don't have to **D.** ought not to

Question 29. I will give you 5 more minutes to complete your exercise, and you_____submit it to me at 10:30.

A. have to **B.** must **C.** should **D.** mustn't

Question 30. Everyone thinks that he_____follow his father's footsteps and become a doctor.

A. have to **B.** must **C.** should **D.** ought

e18395 Mark the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

Question 31. I will <u>leave</u> early <u>because</u> I <u>must</u> <u>studying</u> for my exam.

A. leave **B.** because **C.** must **D.** studying

Question 32. I <u>stayed</u> up <u>late</u> last night because I <u>mustn't</u> go to school <u>on</u> Sunday.

A. stayed **B.** late **C.** mustn't **D.** on

Question 33. We <u>ought to not</u> play football <u>as</u> <u>it's raining</u> <u>outside</u>.

A. ought to not **B.** as **C.** it's raining **D.** outside

Question 34. If you <u>want</u> some useful <u>advice</u>, you <u>have better</u> talk to your parents <u>about</u> your problem.

A. want **B.** advice **C.** have better **D.** about

Question 35. Yesterday I <u>must</u> stay <u>at</u> home <u>due to</u> the <u>bad</u> storm.

A. must **B.** at **C.** due to **D.** bad

Question 36. This competition <u>is</u> <u>optional</u>, so we <u>not have to</u> take part <u>in</u> it.

A. is **B.** optional **C.** not have to **D.** in

Question 37. <u>According to</u> the rules <u>of</u> this game, you <u>don't have to</u> drop <u>the</u> ball.

A. According to **B.** of **C.** don't have to **D.** the

Question 38. <u>Those</u> <u>protected</u> trees <u>don't have to</u> be <u>cut down</u>.

A. Those **B.** protected **C.** don't have to **D.** cut down

Question 39. Because of his <u>poverty</u>, he <u>has to</u> <u>struggling</u> to <u>make</u> ends meet.

A. poverty **B.** has to **C.** struggling **D.** make

Question 40. <u>She's</u> not as bad <u>as</u> you think, you should <u>to change</u> your attitude <u>towards</u>.

A. She's **B.** as **C.** to change **D.** towards

----THE END----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN BỞI BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

1. B	2. C	3. A	4. A	5. D	6. B	7. C	8. D	9. B	10. D
11. B	12. C	13. D	14. A	15. D	16. B	17. C	18. D	19. A	20. C
21. C	22. A	23. A	24. A	25. A	26. C	27. D	28. C	29. B	30. C
31. C	32. C	33. A	34. C	35. C	36. C	37. C	38. C	39. C	40. C

1 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"mustn't" được dùng để diễn tả điều cấm, không được phép làm.

Tạm dịch:

Bạn không được mặc quần soóc đến trường. Hãy mặc đồng phục của bạn.

Choose B.

2 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"don't have to" được dùng để diễn tả điều không cần thiết phải làm.

Tạm dịch:

Tôi không cần thiết phải đồng ý với ý kiến của họ.

Choose C.

3 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"had to" được dùng để diễn tả điều bắt buộc trong quá khứ.

Tạm dịch:

Mẹ tôi muốn trở thành vũ công, nhưng bà phải đi theo bước chân của cha mẹ mình và trở thành bác sĩ.

Choose A.

4 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"shouldn't" được dùng để diễn tả lời khuyên rằng không nên làm điều gì.

Tạm dịch:

Cha mẹ không nên mong đợi con cái chăm sóc mình khi họ già.

Choose A.

5 (NB)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"should" được dùng để diễn tả lời khuyên hoặc điều nên làm.

Tạm dịch:

Tôi nghĩ cha mẹ nên hạn chế thời gian sử dụng màn hình của con để bảo vệ thị lực của chúng.

Choose D.

6 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"must" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm.

Tạm dịch:

Có những quy tắc đã được thỏa thuận trong mỗi gia đình mà các thành viên phải tuân theo.

Choose B.

7 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"don't have to" được dùng để diễn tả điều không cần thiết phải làm.

Tạm dịch:

Bạn không cần phải lo lắng quá nhiều về việc người khác nghĩ gì.

Choose C.

8 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"have to" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm.

Tạm dịch:

Trong một số nền văn hóa, phụ nữ không được học hành. Họ phải ở nhà và làm tất cả việc nhà.

Choose D.

9 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"had to" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm trong quá khứ.

Tạm dịch:

Trong quá khứ, người trẻ phải tuân theo các chuẩn mực và kỳ vọng xã hội về quan hệ và hôn nhân, nhưng bây giờ họ có nhiều tự do hơn.

Choose B.

10 (NB)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"should" được dùng để diễn tả lời khuyên rằng nên làm điều gì.

Tạm dịch:

Thanh thiếu niên nên giao tiếp cởi mở với cha mẹ về các vấn đề của mình.

Choose D.

11 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"will have to" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm trong tương lai.

Tạm dịch:

Trong tương lai gần, cha mẹ sẽ phải chấp nhận rằng công nghệ sẽ đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của con cái họ, ngay cả khi họ không hoàn toàn hiểu nó.

Choose B.

12 (NB)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"mustn't" được dùng để diễn tả điều cấm, không được phép làm.

Tạm dịch:

Học sinh không được mặc áo crop top đến trường.

Choose C.

13 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"shouldn't" được dùng để diễn tả lời khuyên rằng không nên làm điều gì.

Tạm dịch:

Tôi không nghĩ trẻ em nên cãi nhau với cha mẹ của mình.

Choose D.

14 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"don't have to" được dùng để diễn tả điều không cần thiết phải làm.

Tạm dịch:

Các thế hệ khác nhau không cần phải đồng ý với mọi thứ, nhưng điều quan trọng là phải tham gia vào các cuộc thảo luận cởi mở.

Choose A.

15 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"should" được dùng để diễn tả lời khuyên hoặc điều nên làm.

Tạm dịch:

Bộ phim này rất có tính giáo dục, bạn nên xem nó.

Choose D.

16 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"have to" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm.

Tạm dịch:

Không có thức ăn nào cả. Tôi phải đi siêu thị để mua.

Choose B.

17 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"don't have to" được dùng để diễn tả điều không cần thiết phải làm.

Tạm dịch:

Chúng ta không cần phải học tiếng Nga vì nó không phải là môn học bắt buộc.

Choose C.

18 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"has to" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm.

Tạm dịch:

Mai phải đến văn phòng hôm nay. Cô ấy có một cuộc hẹn với sếp của mình.

Choose D.

19 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"must" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm.

Tạm dịch:

Theo quy định, bạn phải có mặt tại công ty trước 8 giờ.

Choose A.

20 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"shouldn't" được dùng để diễn tả lời khuyên rằng không nên làm điều gì.

Tạm dịch:

Cô ấy không nên hỏi quá nhiều câu hỏi về việc chồng mình đi đâu và làm gì.

Choose C.

21 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"have to" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm.

Tạm dịch:

Ông bà tôi sống ở ngoại ô. Vì vậy, mỗi khi chúng tôi đến thăm họ, chúng tôi phải đi xe buýt.

Choose C.

22 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"should" được dùng để diễn tả lời khuyên hoặc điều nên làm.

Tạm dịch:

Bạn nên ăn nhiều trái cây và rau mỗi ngày vì chúng tốt cho sức khỏe của bạn.

Choose A.

23 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"have to" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm.

Tạm dịch:

Học sinh Việt Nam ngày nay phải mặc đồng phục.

Choose A.

24 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"have to" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm.

Tạm dịch:

Tôi bị đau đầu khủng khiếp, vì vậy tôi phải rời đi sớm.

Choose A.

25 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"have to" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm.

Tạm dịch:

Gia đình chúng tôi sẽ đi du lịch nước ngoài vào mùa hè này, vì vậy chúng tôi phải lấy hộ chiếu sớm.

Choose A.

26 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

Must được dùng để diễn tả một sự bắt buộc hoặc cần thiết mạnh mẽ. Vì lưng của bạn đã bị đau trong nhiều tuần, điều này cho thấy bạn cần phải đi khám bác sĩ ngay.

Tạm dịch:

Lưng của tôi đã bị đau nhiều tuần. Tôi phải đi tới chỗ bác sĩ thôi.

Choose C.

27 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"should" được dùng để diễn tả lời khuyên hoặc điều nên làm.

Tạm dịch:

Đôi khi cha mẹ nên khoan dung với những hành vi trẻ con của con cái.

Choose D.

28 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"don't have to" được dùng để diễn tả điều không cần thiết phải làm.

Tạm dịch:

Nhà hàng buffet miễn phí cho trẻ em dưới 5 tuổi, vì vậy bạn không cần phải trả tiền cho con trai của bạn.

Choose C.

29 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"must" được dùng để diễn tả điều bắt buộc phải làm.

Tạm dịch:

Tôi sẽ cho bạn thêm 5 phút để hoàn thành bài tập, và bạn phải nộp nó cho tôi lúc 10:30.

Choose B.

30 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"should" được dùng để diễn tả lời khuyên hoặc điều nên làm.

Tạm dịch:

Mọi người nghĩ rằng anh ấy nên theo bước chân của cha mình và trở thành bác sĩ.

Choose C.

31 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

Must + V => must study

Tạm dịch:

Tôi sẽ rời đi sớm vì tôi phải học cho kỳ thi của mình.

Choose C.

32 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"mustn't": cấm, không được phép làm nên được thay bằng "didn't have to.": không cần phải làm

Tạm dịch:

Tôi đã thức khuya tối qua vì tôi không cần phải đến trường vào Chủ nhật.

Choose C.

33 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"ought to not" nên được thay bằng "ought not to."

Tạm dịch:

Chúng ta không nên chơi bóng đá vì trời đang mưa bên ngoài.

Choose A.

34 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"have better" nên được thay bằng "had better."

Tạm dịch:

Nếu bạn muốn lời khuyên hữu ích, bạn nên nói chuyện với bố mẹ về vấn đề của bạn.

Choose C.

35 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"must": điều cần phải làm (luật lệ) nên được thay bằng "had to.": điều bắt buộc phải làm

Tạm dịch:

Hôm qua tôi phải ở nhà do cơn bão lớn.

Choose C.

36 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"not have to" nên được thay bằng "don't have to."

Tạm dịch:

Cuộc thi này là tự chọn, vì vậy chúng ta không cần phải tham gia.

Choose C.

37 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"don't have to": không cần phải làm nên được thay bằng "mustn't.": cấm, không được phép làm

Tạm dịch:

Theo quy định của trò chơi này, bạn không được đánh rơi bóng.

Choose C.

38 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

"don't have to": không cần phải làm nên được thay bằng "mustn't.": cấm, không được phép làm

Tạm dịch:

Những cây được bảo vệ đó không được phép chặt bỏ.

Choose C.

39 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

Has/have to + V: phải làm điều gì => has to struggle

Tạm dịch:

Vì nghèo khó, anh ấy phải vật lộn để trang trải cuộc sống.

Choose C.

40 (TH)

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

Should + V: nên làm gì => should change

Tạm dịch:

Cô ấy không tệ như bạn nghĩ; bạn nên thay đổi thái độ của mình đối với cô ấy.

Choose C.